

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1934/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bãi Ma, xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1455/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh về việc quy định danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Bãi Ma, xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa” (*Khu vực Doanh nghiệp tư nhân Khánh Thành được cấp phép thăm dò - trữ lượng tính đến ngày 30/9/2015*);

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 429/TTr-STNMT ngày 25 tháng 4 năm 2016 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bãi Ma, xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bãi Ma, xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Doanh nghiệp tư nhân Khánh Thành; địa chỉ: xóm Đông Quang, xã Đông Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm lần đầu (theo Quyết định số 1455/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh):

- $G = 65.000 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá (đá cát kết, đá Bazan) làm VLXD thông thường;

- $G = 2.100.000 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá khối tận thu làm đá ốp lát.

c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền:

$$Q = Q_1 + Q_2;$$

Trong đó:

- Q_1 là trữ lượng địa chất của đá vôi làm VLXD thông thường trong khu vực đơn vị lập dự án đầu tư được phê duyệt theo Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh là: 510.045 m^3 ;

- Q_2 là trữ lượng địa chất của đá vôi tận thu làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát trong khu vực đơn vị lập dự án đầu tư được phê duyệt theo Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh là: 38.390 m^3 ;

d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$;

đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: $K_2 = 0,9$ (Vùng đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ);

e) Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- $R = 4\%$ (Đối với than bùn và các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại);

- $R = 1\%$ (Đối với đá ốp lát gốc);

f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$$T = T_1 + T_2;$$

Trong đó:

- T_1 là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng địa chất của đá vôi làm VLXD thông thường trong khu vực đơn vị lập dự án đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh, cụ thể:

$$T_1 = (Q_1 \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = (510.045 \text{ m}^3 \times 65.000 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 4\%) = 1.074.154.770,0 \text{ đồng};$$

- T_2 là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng địa chất của đá vôi tận thu làm nguyên liệu sản xuất đá ốp lát trong khu vực đơn vị lập dự án đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh, cụ thể:

$$T_2 = (Q_2 \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = (38.390 \text{ m}^3 \times 2.100.000 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 1\%) = 653.013.900,0 \text{ đồng};$$

Như vậy $T = T_1 + T_2 = 1.074.154.770,0 \text{ đồng} + 653.013.900,0 \text{ đồng} = 1.727.168.670 \text{ đồng}$ (Một tỷ, bảy trăm hai mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng);

g) Tổng số lần nộp: $N = X : 2 = 30 : 2 = 15 \text{ lần}$;

h) Số tiền phải nộp hàng năm:

$$T_{\text{hn}} = T : 15 = 1.727.168.670,0 \text{ đồng} : 15 = 115.144.578 \text{ đồng};$$

i) Số tiền nộp lần đầu: $T_{\text{ld}} = T_{\text{hn}} = 115.144.578 \text{ đồng}$ (Một trăm mười lăm triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm bảy mươi tám đồng);

j) Số tiền nộp các lần tiếp theo (từ lần 2 ÷ 15) được tính theo công thức sau:

- $T_n = T_{hn} \times G_n$; Trong đó:
- + T_n là số tiền nộp lần thứ n (từ lần 2 ÷ 15);
 - + T_{hn} là tiền nộp hàng năm;
 - + G_n giá tính tiền cấp quyền khai thác (giá tính thuế tài nguyên) tại thời điểm nộp tiền lần thứ n ;
 - + G giá tính tiền cấp quyền khai thác lần đầu;
- k) Thời điểm nộp tiền:
- Lần đầu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa;
 - Các lần tiếp theo nộp trước ngày 31/3 các năm tiếp theo.

2. Về việc hoàn trả kinh phí thăm dò:

Mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Bãi Ma, xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa được thăm dò bằng nguồn kinh phí của Doanh nghiệp tư nhân Khánh Thành. Vì vậy, đơn vị không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

Điều 2. Căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Doanh nghiệp tư nhân Khánh Thành về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Doanh nghiệp tư nhân Khánh Thành có trách nhiệm nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định. Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra.

3. UBND huyện Ngọc Lặc, UBND xã Lộc Thịnh có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc; Chủ tịch UBND xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc; Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Khánh Thành; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- PCT Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, KTTC, CNXDGT.



Lê Thị Thìn